TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày 08 - 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhẫn và bà Lê Thị Chiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2017 đối với:

Bị cáo Cao Khương D, sinh năm 1989; trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Cao Xuân H và bà Lê Thị T; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 01, Bản án số: 46/2014/HSST ngày 20 tháng 8 năm 2014 Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 đến nay, có mặt.

Người bị hại:

1. Anh Khổng Thanh K, sinh năm 1984; trú tại: Thôn G, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Anh Phùng Văn T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phùng Văn H, sinh năm 1989; trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Cao Khương D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22 tháng 5 năm 2017, Cao Khương D cùng Khổng Thanh K và một số bạn của D ngồi ăn ốc tại quán ở ngã tư thôn T, xã H, huyện

T, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi đang ăn ốc, D nảy sinh ý định mượn xe máy của anh K cầm cố lấy tiền tiêu sài. D rủ anh K đi ăn chè, anh K đồng ý và điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 88K1-003.65 chở D sang quán chè gần đó ngồi ăn chè, sau đó D nói dối "anh cho em mượn xe đi đón bạn", anh K đồng ý giao xe máy cho D và nói "đi nhanh còn về". Sau khi mượn được xe, D điều khiển xe máy đi thẳng đến nhà Trần Văn Đ cắm chiếc xe lấy 2.500.000đ, việc trao đổi cắm xe có D và Đ, sau đó D bắt xe ô tô xuống Hà Nội tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 29 tháng 5 năm 2017, anh Khổng Thanh K có đơn trình báo Công an, ngày 30 tháng 5 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo bắt khẩn cấp Cao Khương D.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 277/KL-HĐĐG ngày 01 tháng 6 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị còn lại của tài sản xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 88K1-003.65, đã cũ, đã qua sử dụng là 8.500.000đ (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra: Trần Văn Đ không thừa nhận cho Cao Khương D cắm xe, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, anh Khổng Thanh K yêu cầu Cao Khương D bồi thường theo quy định pháp luật.

Ngoài hành vi trên, Cao Khương D còn khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 20 tháng 4 năm 2017, Cao Khương D đến nhà anh Phùng Văn T ở Thôn N, xã H, huyện T rủ anh T đi chơi nhưng anh T không đi. Thấy chiếc xe máy Angel BKS 88K5-3431 của anh Phùng Văn H là em trai anh T gửi để ở sân nhà anh T, D hỏi mượn để đi chơi, anh T đồng ý và nói "đi đến 05 giờ sáng ngày 21 tháng 4 năm 2017 phải về trả xe cho anh H lấy xe đi làm". D điều khiển xe đi xuống thành phố V chơi, đến khoảng 02 giờ ngày 21 tháng 4 năm 2017 D đi từ thành phố V về đến địa phận xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thì nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe, D điều khiển xe đến nhà Trần Văn Đ cắm xe lấy 1.000.000đ, việc cắm xe có D và Đ, sau đó D đi về nhà và tiêu sài cá nhân hết số tiền cắm xe.

Sau khi sự việc xảy ra, anh Phùng Văn H có đơn trình báo Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 355/KL-HĐĐG ngày 10 tháng 7 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị còn lại của tài sản xe máy nhãn hiệu Angel BKS 88K5-3431, đã cũ, đã qua sử dụng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Quá trình điều tra: Trần Văn Đ không thừa nhận cho Cao Khương D cắm xe, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, anh Phùng Văn T và anh Phùng Văn H yêu cầu Cao Khương D bồi thường theo quy định pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 47/KSĐT-KT ngày 21 tháng 8 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đã truy tố Cao Khương D về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 và điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Khương D phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự, phạt: Cao Khương D từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 5 năm 2017. Đề nghị buộc Cao Khương D bồi thường theo quy định pháp luật.

Bị cáo Cao Khương D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa Cao Khương D thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở, kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 4 năm 2017 đến ngày 22 tháng 5 năm 2017, Cao Khương D đã mượn chiếc xe máy Angel BKS 88K5-3431 của anh Phùng Văn T (anh Phùng Văn H là chủ sở hữu, trị giá 5.000.000đ) và dùng thủ đoạn gian dối để mượn chiếc xe máy Jupiter BKS 88K1-003.65 (trị giá 8.500.000đ) của anh Khổng Thanh K rồi chiếm đoạt lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Hành vi của Cao Khương D đã phạm vào các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 139 và điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng… thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng…thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

…b, Vay, mượn, thuê tài sản của người khác…và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản".

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến chế độ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà trong thời gian ngắn bị cáo liên tiếp thực hiện nhiều hành vi phạm tội. Điều đó, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật

nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần xem xét giảm nhẹ trách một phần hình phạt cho bị cáo vì: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi của mình.

Về dân sự: Trong vụ án này hành vi của bị cáo trực tiếp xâm hại đến tài sản do anh Khổng Thanh K và anh Phùng Văn T quản lý hợp pháp nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh K và anh T. Vì vậy, yêu cầu bồi thường của anh Phùng Văn H không được Tòa án xem xét.

Quá trình điều tra anh Khổng Thanh K và anh Phùng Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản đã bị chiếm đoạt theo quy định pháp luật; tại phiên tòa anh K yêu cầu bị cáo bồi thường theo giá trị tại kết luận định giá tài sản, anh T vắng mặt nhưng cũng không có ý kiến thay đổi gì về yêu cầu bồi thường. Xét thấy, yêu cầu về bồi thường của anh K, anh T là có căn cứ, cần được chấp nhận và buộc bị cáo bồi thường cho anh K, anh T theo giá trị tại kết luận định giá tài sản là phù hợp.

Bị cáo Cao Khương D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Cao Khương D phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt: Cao Khương D 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 06 (sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Áp dụng Điều 584, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Cao Khương D bồi thường cho anh Khổng Thanh K số tiền là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho anh Phùng Văn T số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Cao Khương D nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Bị cáo, ĐS;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu